

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 82/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu
liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;**Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;**Căn cứ Luật Công chứng số 46/2024/QH15;**Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;**Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;**Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5546/TTr-STP ngày 23 tháng 10 năm 2025, Công văn số 6246/STP-BTTP ngày 02 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 11348/STP-BTTP ngày 04 tháng 9 năm 2026;**Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành*

phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định sau:

a) Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành mức trần thù lao công chứng và thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Quyết định số 43/2015/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định mức trần thù lao công chứng áp dụng đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành mức giá tối đa đối với dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu áp dụng quy định đặc điểm kinh tế - kỹ trong việc ban hành giá tối đa của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố.

3. Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu

trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Bảy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu
liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người yêu cầu công chứng.
- Cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Tên gọi chi tiết của dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng

- Soạn thảo giao dịch.
- Đánh máy.
- Sao chụp.
- Dịch giấy tờ, văn bản liên quan đến giao dịch.

Điều 4. Dịch vụ soạn thảo giao dịch

1. Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng ghi nhận ý kiến, nội dung thỏa thuận của các bên tham gia giao dịch để viết và hoàn thiện dự thảo giao dịch, đảm bảo giao dịch phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Các khoản kinh phí chi trả cho công chứng viên, nhân sự giúp việc cho công chứng viên theo trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, kỹ năng nghiệp

vụ, thời gian đầu tư nghiên cứu, soạn thảo giao dịch đối với từng nhóm giao dịch sau:

- a) Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư kinh doanh, góp vốn, hợp tác kinh doanh.
- b) Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng.
- c) Hợp đồng tặng cho tài sản.
- d) Hợp đồng ủy quyền.
- đ) Văn bản ủy quyền có nội dung ủy quyền định đoạt tài sản.
- e) Hợp đồng thuê, mượn, vay tài sản.
- g) Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh bằng tài sản giữa cá nhân, tổ chức với nhau.
- h) Di chúc.
- i) Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc.
- k) Văn bản phân chia di sản.
- l) Văn bản phân chia tài sản chung vợ chồng.
- m) Văn bản nhập tài sản riêng vào khối tài sản chung vợ chồng.
- n) Văn bản về chế độ tài sản của vợ chồng theo thỏa thuận.
- o) Các giao dịch khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi phí khấu hao trang thiết bị, nguyên vật liệu; khấu hao tài sản cố định và bù đắp một phần chi phí mặt bằng (trụ sở) làm việc.

4. Dịch vụ này không bao gồm việc soạn thảo trang ghi lời chứng và trang ghi nội dung sửa lỗi kỹ thuật trong văn bản công chứng.

5. Đơn vị tính của dịch vụ: theo từng giao dịch.

Điều 5. Dịch vụ đánh máy

1. Nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng nhập nội dung thông tin do các bên tham gia giao dịch cung cấp vào phần mềm soạn thảo văn bản trên máy vi tính, thực hiện chỉnh sửa thể thức, in nội dung giao dịch ra giấy hoặc chuyển đổi nội dung giao dịch thành dữ liệu điện tử.

Việc đánh máy được thực hiện trên khổ giấy A4, phông chữ Tiếng Việt Times New Roman, bộ mã ký tự Unicode theo Tiêu chuẩn Việt Nam, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định pháp luật về công tác văn thư.

2. Các khoản kinh phí chi trả cho nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng nhập liệu thông tin.

3. Chi phí khấu hao trang thiết bị, nguyên vật liệu và bù đắp một phần chi phí mặt bằng (trụ sở) làm việc phục vụ việc đánh máy, in nội dung giao dịch ra giấy.

4. Đơn vị tính của dịch vụ: theo định dạng trang giấy A4.

Điều 6. Dịch vụ sao chụp

1. Nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện sao chụp giấy tờ, văn bản bằng thiết bị chuyên dùng sao chụp để tạo ra bản sao giấy, bản sao dữ liệu điện tử của văn bản, giấy tờ. Bản sao chụp phải đầy đủ, rõ ràng, giữ nguyên nội dung, hình thức của giấy tờ, văn bản cần sao chụp.

2. Các khoản kinh phí chi trả cho nhân viên của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện sao chụp giấy tờ, văn bản.

3. Chi phí khấu hao trang thiết bị, phương tiện thực hiện sao chụp; nguyên vật liệu tiêu hao và bù đắp một phần chi phí mặt bằng (trụ sở) làm việc phục vụ sao chụp giấy tờ, văn bản.

4. Đơn vị tính của dịch vụ: theo số lượng trang và kích cỡ của giấy tờ, văn bản cần sao chụp.

Điều 7. Dịch vụ dịch giấy tờ, văn bản liên quan đến giao dịch

1. Người dịch là cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng thực hiện dịch giấy tờ, văn bản liên quan đến giao dịch do người yêu cầu công chứng cung cấp từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc ngược lại.

2. Các khoản chi trả cho cộng tác viên dịch thuật của tổ chức hành nghề công chứng đã dịch giấy tờ, văn bản; mức độ phổ biến, thông dụng của ngôn ngữ cần dịch.

3. Chi phí khấu hao trang thiết bị, nguyên vật liệu tiêu hao và bù đắp một phần chi phí mặt bằng (trụ sở) làm việc phục vụ cho việc dịch giấy tờ, văn bản.

4. Đơn vị tính của dịch vụ: theo số trang của giấy tờ, văn bản cần dịch và số lượng bản dịch./.